TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ BÌNH** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v: N – H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn H Mây

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi; ông Dương Viết Vĩnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị M Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hoàng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2022/TLST - HNGĐ, ngày 25/10/2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 20/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ hiện nay: Xóm Đ, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình

Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1989- Vắng mặt không lý do

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị N trình bày: Tôi và anh Dương Văn H kết hôn năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do cH tôi đi làm không quan tâm đến gia đình vợ con, không có cùng chí hướng nên cuộc sống vợ cH không hạnh phúc. Tôi khuyên bảo không được nên vợ cH thường xuyên cãi vã nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay tôi xác định cuộc sống hôn nhân giữa tôi và anh H không thể kéo dài được, vợ cH sống không còn tình cảm với nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Dương Quang M, sinh ngày 12/4/2016, hiện cháu M đang ở với bố, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi

cháu. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết phần trợ cấp nuôi con chung vì tôi sẽ tự thỏa thuận với anh H về việc này.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Dương Văn H đến Toà án để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh nhưng anh H đều vắng mặt không lý do.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, trú tại Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bà Thái là mẹ đẻ của anh Dương Văn H, bà Thái cho biết: Tôi là mẹ của anh Dương Văn H, có con dâu là chị Nguyễn Thị N, anh H và chị N kết hôn năm 2015, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, đăng ký kết hôn tại xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên , chị N về ở tại nhà tôi tại Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh H, chị N có 01 con chung là Dương Quang M, sinh ngày 12/4/2016. Anh H, chị N nếu sau này có ly hôn nhau tôi có đề nghị được nuôi cháu M vì cháu đã ở với tôi từ khi cháu còn nhỏ đến nay, mẹ cháu đi làm xa cháu vẫn ở với bố và bà từ trước đến nay. Mâu thuẫn giữa anh H, chị N cụ thể như thế nào thì tôi không có ý kiến gì, do 2 con quyết định. Quá trình chung sống hai cháu H và N không có tài sản chung, nhà cũng sống cùng với tôi. Toà án gửi các văn bản tố tụng, giấy triệu tập về địa phương gia đình tôi đều nhận được nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Tôi đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho tôi, tôi cam đoan sẽ giao cho anh H . Tôi không muốn niêm yết các văn bản này tại Ủy ban nhân dân và nhà văn hóa xóm sẽ ảnh hưởng tới gia đình tôi.

Do anh H vắng mặt nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị trình bày rõ giữ lời khai của mình, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H và có nguyện vọng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị N và bà Nguyễn Thị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và hội đồng xét xử:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với bị đơn, anh Dương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị N và anh H.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương Văn H kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị N xác định vợ cH kết hôn năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H đi làm không quan tâm đến gia đình vợ con, không có cùng chí hướng nên cuộc sống vợ cH không hạnh phúc. Tôi khuyên bảo không được nên vợ cH thường xuyên cãi vã nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh H do quan điểm sống không phù hợp, vợ cH không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, cho chị được ly hôn với anh Dương Văn H là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ cH có 01 con chung là Dương Quang M, sinh ngày 12/4/2016. Quá trình giải quyết phía chị N có nguyện vọng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Thực tế hiện tại cháu M còn nhỏ, cần sự chăm sóc từ mẹ, chị N hiện đang có nơi ở và thu nhập ổn định. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: do chị N không yêu cầu Toà án giải quyết mà để vợ cH chị tự thoả thuận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản: Chị N xác định hai bên không có tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay. Phía anh H vắng mặt tại phiên toà nên HĐXX không xem xét giải quyết về phần này.

Về án phí: chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Dương Quang M, sinh ngày 12/4/2016 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí. Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - biên lai số 0002964, ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị N và anh H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN H MÂY

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ pNhi toà: Bà Nguyễn H Mây

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuyến và ông Nguyễn Văn Mười

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 402/LHST ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Nhi, sinh năm 1993

Trú Tại: xóm Bầu 2, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Bùi Công Phượng, sinh năm 1990

Trú Tại: xóm Bầu 2, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại pNhi toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

1. Về áp dụng điều luật: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ pháp luật phải giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Nhi, cho chị Nhi được ly hôn anh Bùi Công Phượng.

Về con chung: Giao cho anh Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vương M Duy, sinh ngày 14/4/2015 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Nhi có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí. Chị Nhi phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang - biên lai số 0013641, ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PNHI TÒA

NGUYỄN H MÂY